ĐỊNH DANH KỲ THƯ

(定名奇书)

Bố mẹ muốn đặt tên cho con: Nguyễn Phú Trọng

A. Thông tin của bé:

- Sinh vào: **9 giờ 15 phút Thứ sáu ngày 14 tháng 4 năm 1944**
- Nhằm ngày(AL) **22 tháng 3 năm Giáp Thân**
- Tứ trụ mệnh: **giờ Đinh Tỵ, ngày Mậu Thân, tháng Mậu Thìn, năm Giáp Thân**
- Giới tính: **Nam**
- Sinh vào mùa: **Xuân** Tiết khí: **Thanh minh**
  - Theo thuyết được và lỗi mùa sinh: **Hưu(Việc tốt lành, phúc lộc)**
- Hành bản mệnh(Niên mệnh): **Tuyền trung thủy**
  - Kim kiến lộc ở thân, vượng ở dậu. Kim sau khi sinh thịnh vượng đến cực điểm thì dựa vào hỏa để sinh thủy, nhưng thủy khi mới sinh thì ít ỏi, thế lại không vượng cho nên gọi là nước trong suối. Từ nguồn gốc của nó mà nói, có kim thì nguồn thủy không bao giờ dừng. Lấy giáp ngọ ất mùi sa trung kim, canh tuất tân hợi thoa xuyến kim là tốt, gặp thủy gặp mộc cũng tốt. Nếu như trong tứ trụ năm tháng ngày giờ thì năm và giờ trụ đều có thủy, ngày tháng hai trụ đều có mộc như vậy gọi là mệnh đại phú đại quý.
  - Màu bản mệnh: **Xanh biển, đen**
  - Màu tương sinh: **Xanh lá cây**
  - Màu tương khắc: **Đỏ, hồng, tím, cam**
- Từ tứ trụ mệnh suy ra ngũ hành và âm, dương:
  - Mộc: 1 (12.5)%
  - Hỏa: 2 (25)%
  - Thổ: 3 (37.5)%
  - Kim: 2 (25)%
  - Thủy: 0 (0)%
  - Hành Vượng: Thổ cần bổ sung Mộc
  - Hành khuyết: Thủy cần bổ sung
  - Âm: 25%
  - Dương: 75%

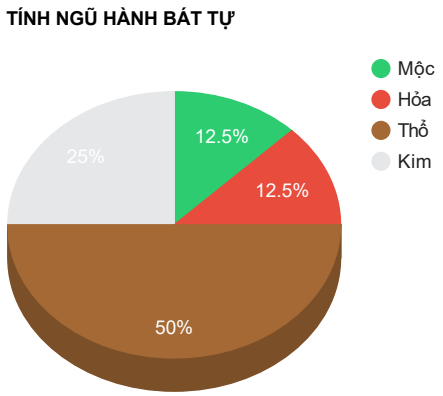

B. Ý nghĩa các từ trong tên của bé:

- Nguyễn (阮) có 6 nét, thuộc bộ phụ: đống đất, gò đất(170), thuộc hành: **Âm Thổ**
  1. (Danh) Nước **Nguyễn** 阮, tên một nước ngày xưa, nay thuộc tỉnh **Cam Túc** 甘肅.
  2. (Danh) Tục gọi cháu là **nguyễn**. § **Nguyễn Tịch** 阮籍, **Nguyễn Hàm** 阮咸 hai chú cháu đều có tiếng giỏi ở đời nhà **Tấn** 晉, cho nên mượn dùng như chữ **điệt** 姪.
  3. (Danh) Đàn **Nguyễn**.
  4. (Danh) Họ **Nguyễn**.
- Phú (复) có 9 nét, thuộc bộ tuy: đi chậm(35), thuộc hành: **Dương Thuỷ**

1. Giản thể của chữ 復.
2. Giản thể của chữ 複.
3. Giản thể của chữ 覆.

- Trọng (仲) có 6 nét, thuộc bộ nhân: người(9), thuộc hành: **Âm Thổ**
  1. (Tính) Giữa. ◎Như: **trọng xuân** 仲春 giữa mùa xuân (tháng hai), **trọng đệ** 仲第 em thứ hai.
- **Tóm lại ý nghĩa:**

Ý nghĩa tên "Phú Trọng": Tên "Phú Trọng" trong Hán-Việt có ý nghĩa như sau:

- "Phú" (富): có nghĩa là giàu, sung túc, thịnh vượng.

- "Trọng" (重): có nghĩa là quan trọng, trọng đại, được kính trọng, quý trọng.

Do đó, tên "Phú Trọng" có thể được hiểu là người có sự thịnh vượng và giàu có, đồng thời được quý trọng và coi trọng. Tên này thường được đặt với mong muốn người mang tên sẽ có cuộc sống sung túc và được người khác tôn vinh, kính trọng.

C. Tính ngũ cách cho tên: Nguyễn Phú Trọng

1. Thiên cách:

Thiên Cách là đại diện cho cha mẹ, bề trên, sự nghiệp, danh dự. Nếu không tính sự phối hợp với các cách khác thì còn ám chỉ khí chất của người đó. Ngoài ra, Thiên cách còn đại diện cho vận thời niên thiếu.
Thiên cách của bạn được tính bằng tổng số nét là số nét của họ Nguyễn(6) + 1 = 7
Thuộc hành Dương Kim
Quẻ này là quẻ: **CÁT**: Bạn sở hữu quyền lực độc lập và trí tuệ nổi bật, làm việc với thái độ kiên quyết và quả quyết, điều này thường dẫn đến những thành công vang dội. Tuy nhiên, tính cách quá cứng nhắc và độc đoán, cùng với xu hướng hành động một mình, có thể là những điểm yếu khiến bạn dễ bị tổn thương và thất bại.. **(điểm: 7,5/10**)

2. Nhân cách:

Nhân cách: Còn gọi là "Chủ Vận" là trung tâm của họ và tên, vận mệnh của cả đời người do Nhân Cách chi phối, đại diện cho nhận thức, quan niệm nhân sinh. Giống như mệnh chủ trong mệnh lý, Nhân cách còn là hạt nhân biểu thị cát hung trong tên họ. Nếu đứng đơn độc, Nhân cách còn ám chỉ tính cách của người đó. Trong Tính Danh học, Nhân cách đóng vai trò là chủ vận.
Nhân cách của bạn được tính bằng tổng số nét là số nét của họ Nguyễn(6) + Phú(9) = 15
Thuộc hành Dương Thổ
Quẻ này là quẻ: **ĐẠI CÁT**: Quẻ Từ Tường Hữu Đức khắc họa một cuộc sống đầy đủ và viên mãn, nơi gia đình phát đạt và của cải dồi dào, cùng với danh vọng và vinh hoa. Bạn được sự ủng hộ nồng nhiệt từ những người xung quanh, từ cấp trên cho đến bạn bè và cấp dưới. Bạn cũng có khả năng được hưởng thụ sự hiện diện của con cháu hiền thảo và tài giỏi. Vào những năm cuối đời, bạn sẽ hưởng phúc không lường. Tuy nhiên, sự kiêu ngạo khi đạt đến đỉnh cao tri thức có thể trở thành điểm yếu lớn nhất của bạn, dẫn đến sự đối đầu với kẻ thù và những tổn thất nghiêm trọng về thể chất, cuối cùng làm suy yếu vận may của bạn suốt phần đời còn lại.. **(điểm: 10/10**)

3. Địa cách:

Địa cách còn gọi là "Tiền Vận"(trước 30 tuổi) đại diện cho bề dưới, vợ con, và thuộc hạ, người nhỏ hơn mình, nền móng của người mang tên đó. Về mặt thời gian trong cuộc đời, Địa cách biểu thị ý nghĩa cát hung (xấu tốt trước 30 tuổi) của tiền vận.
Địa cách của bạn được tính bằng tổng số nét là số nét của Phú(9) + Trọng(6) = 15
Thuộc hành Dương Thổ
Quẻ này là quẻ: **ĐẠI CÁT**: Quẻ Từ Tường Hữu Đức khắc họa một cuộc sống đầy đủ và viên mãn, nơi gia đình phát đạt và của cải dồi dào, cùng với danh vọng và vinh hoa. Bạn được sự ủng hộ nồng nhiệt từ những người xung quanh, từ cấp trên cho đến bạn bè và cấp dưới. Bạn cũng có khả năng được hưởng thụ sự hiện diện của con cháu hiền thảo và tài giỏi. Vào những năm cuối đời, bạn sẽ hưởng phúc không lường. Tuy nhiên, sự kiêu ngạo khi đạt đến đỉnh cao tri thức có thể trở thành điểm yếu lớn nhất của bạn, dẫn đến sự đối đầu với kẻ thù và những tổn thất nghiêm trọng về thể chất, cuối cùng làm suy yếu vận may của bạn suốt phần đời còn lại.. **(điểm: 10/10**)

4. Ngoại cách:

Ngoại Cách: Biểu thị năng lực xã giao của con người, sự giúp đỡ của ngoại giới hay quý nhân, cũng như mối quan hệ họ hàng của một người, nhưng trên thực tế thì Ngoại Cách cũng không đem lại tác dụng quá lớn trong việc dự đoán vận mệnh.
Ngoại cách của bạn được tính bằng tổng số nét là số nét của Trọng(6) + 1 = 7
Thuộc hành Dương Kim
Quẻ này là quẻ: **CÁT**: Bạn sở hữu quyền lực độc lập và trí tuệ nổi bật, làm việc với thái độ kiên quyết và quả quyết, điều này thường dẫn đến những thành công vang dội. Tuy nhiên, tính cách quá cứng nhắc và độc đoán, cùng với xu hướng hành động một mình, có thể là những điểm

yếu khiến bạn dễ bị tổn thương và thất bại.. **(điểm: 7,5/10**)

5. Tổng cách:

Tổng cách thu nạp ý nghĩa của Thiên cách, Nhân cách, Địa cách nên đại diện tổng hợp chung cả cuộc đời của người đó đồng thời qua đó cũng có thể hiểu được hậu vận tốt xấu của bạn từ trung niên trở về sau
Tổng cách của bạn được tính bằng tổng số nét là Nguyễn(6) + Phú(9) + Trọng(6) = 21
Thuộc hành Dương Mộc
Quẻ này là quẻ: **ĐẠI CÁT**: Con số này biểu thị cho một lãnh đạo xuất sắc, mang đến sự giàu có và thành công rực rỡ suốt đời, cùng một tâm hồn thanh thản và cuộc sống vững chắc. Đây là nền tảng cho sự hình thành của vạn vật, và người sở hữu con số này sẽ được mọi người ngưỡng mộ, hưởng đầy đủ phước lành và tuổi thọ, trong khi sự nghiệp và gia đình thịnh vượng, đạt được thành công vinh quang. Tuy nhiên, đối với phụ nữ, con số này lại có thể mang lại những hậu quả không mong muốn, bởi tính chất nam tính mạnh mẽ của nó có thể không phù hợp với bản chất nữ tính truyền thống. Nếu một người phụ nữ sở hữu con số này và đảm nhận vai trò lãnh đạo, có thể xảy ra sự mâu thuẫn, khiến cho mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng và không yên ả. Do đó, phụ nữ cần cẩn trọng khi dùng con số này, và nên kết hợp chặt chẽ với bát tự và ngũ hành để giảm bớt những tác động tiêu cực, nhất là trong các mối quan hệ nhân duyên.. **(điểm: 20/20**)

D. Mối quan hệ giữa các cách:

- Quan hệ giữa "Nhân cách - Thiên cách" sự bố trí giữa thiên cách và nhân cách gọi là vận thành công của bạn là: Thổ - Kim Quẻ này là quẻ Kiết (điểm: 10/10): Người này có khả năng đạt được thành công một cách suôn sẻ và thuận lợi, dựa trên nỗ lực và khả năng của chính mình. Họ không chỉ thiết lập các mục tiêu rõ ràng mà còn theo đuổi chúng một cách kiên định và độc lập, không cần sự giúp đỡ hay can thiệp từ bên ngoài. Sự tự lực trong công việc và cuộc sống không chỉ cho phép họ kiểm soát hoàn toàn quá trình đạt được mục tiêu mà còn mang lại cảm giác tự hào và thỏa mãn khi nhìn lại hành trình mà họ đã đi qua. Bằng cách tự mình vượt qua thử thách và giải quyết vấn đề, họ không những củng cố được khả năng của bản thân mà còn tăng cường sự tự tin vào năng lực cá nhân để tiếp tục phát triển và đạt được những thành tựu cao hơn trong tương lai.
- Quan hệ giữa "Nhân cách - Địa cách" sự bố trí giữa địa cách và nhân cách gọi là vận cơ sở Thổ - Thổ Quẻ này là quẻ Kiết (điểm: 10/10): Trong một bối cảnh hạnh phúc và thuận lợi, cuộc sống có vẻ như đang trôi chảy một cách mượt mà. Tuy nhiên cần chú ý theo nguyên tắc phong thủy, nếu yếu tố thiên cách của bạn là thổ, điều này có thể gây ra một số trở ngại và không còn suôn sẻ như mong đợi. Yếu tố thổ, biểu tượng cho sự ổn định và bền vững, trong một số trường hợp có thể dẫn đến tình trạng nông cạn trong suy nghĩ và hành động, khiến cho những người liên quan không còn giữ được sự sâu sắc và thận trọng trong cách sống và quyết định của mình. Điều này cũng có thể biểu hiện qua những vấn đề về đạo đức và hành vi. Ví dụ, phụ nữ trong hoàn cảnh này có thể mất đi sự trong trắng và danh dự, trong khi nam giới có thể trở nên háo sắc, quá mải mê với dục vọng mà không còn giữ được phẩm chất và giá trị đạo đức mà xã hội trân trọng. Những biểu hiện này không chỉ làm tổn hại đến cá nhân mà còn có thể ảnh hưởng xấu đến danh tiếng và mối quan hệ của họ với người khác trong cộng đồng. Để đối phó với những thách thức này, điều quan trọng là phải nhận thức được mối liên hệ giữa các yếu tố ngũ hành và cách chúng ảnh hưởng đến cuộc sống. Việc tìm hiểu sâu hơn về bản thân và môi trường xung quanh, cùng với việc rèn luyện tâm tính và duy trì các nguyên tắc đạo đức, có thể giúp cải thiện tình hình và giữ cho cuộc sống tiếp tục đi theo hướng tích cực và bền vững.
- Quan hệ giữa "Nhân cách - Ngoại cách" gọi là vận xã giao: Thổ - Kim Quẻ này là quẻ Đại kiết (điểm: 10/10): Người có tính cách cứng cỏi thường thể hiện sự bền bỉ và kiên định trong mọi công việc mà họ đảm nhận, không dễ bị lay chuyển hay thay đổi quan điểm dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Họ bám sát mục tiêu một cách kiên quyết, thể hiện qua thái độ nghiêm túc và ít nói. Bên cạnh đó, tính chất phác và trung thực của họ cũng là những đặc điểm nổi bật, giúp họ được đồng nghiệp và cộng sự tin tưởng. Với khả năng hoạt động mạnh mẽ và hiểu rõ từng khía cạnh của công việc mình làm, người này có thể đạt được hiệu quả cao trong công việc. Sự am hiểu sâu sắc về nhiệm vụ và trách nhiệm của bản thân giúp họ triển khai các dự án một cách hiệu quả, đảm bảo mọi hoạt động đều được thực hiện đúng đắn và mang lại kết quả tốt. Nhờ sự kết hợp giữa kiên định và hiểu biết sâu sắc, người có tính cứng cỏi thường đạt được những thành tựu lớn trong sự nghiệp, làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển không chỉ bản thân mà còn cho tổ chức họ làm việc. Tính cách này không chỉ giúp họ vượt qua thử thách mà còn gặt hái được nhiều thành công đáng kể.
- Sự phối hợp tam tài (ngũ hành số): Thiên - Nhân - Địa: Vận mệnh của phối trí tam tài: Kim - Thổ - Thổ Quẻ này là quẻ Kiết (điểm: 10/10): Người này có cuộc sống thành đạt và hạnh phúc là mơ ước của nhiều người, và đạt được điều này không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng mà còn cần may mắn và sự hỗ trợ từ những người xung quanh. Người thành đạt không chỉ giỏi trong sự nghiệp mà còn duy trì được sức khỏe tốt và tuổi thọ cao, biểu hiện của một lối sống lành mạnh và cân bằng. Bên cạnh đó, việc học hành tốt không chỉ giúp họ mở rộng kiến thức mà còn phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo. Hạnh phúc gia đình cũng là một phần quan trọng trong cuộc sống của họ, nơi con cháu không chỉ thông minh mà còn hiếu thảo và yêu thương cha mẹ. Sự kết hợp của những yếu tố này tạo nên một cuộc sống viên mãn, thực sự là nguồn cảm hứng và là mục tiêu để mỗi người hướng tới.

Nguyễn Phú Trọng 95/100 điểm cực tốt